TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1995; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Mạnh T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T vào ngày 19/11/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ chồng. Năm 2021, anh chị thống nhất để anh T đi

Đài Loan làm việc. Thời gian đầu, anh T vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị. Từ cuối năm 2023, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau về vấn đề kinh tế. Nguyên nhân là do anh T đi lao động ở nước ngoài nhưng chỉ gửi tiền về cho bố mẹ đẻ, không gửi tiền về cho chị nuôi con. Tết âm lịch năm 2024, anh T về Việt Nam chơi được khoảng 2 tuần. Khoảng tháng 02/2024, trước khi anh T quay trở lại Đài Loan, vợ chồng chị xảy ra cãi nhau, anh T đã đuổi chị đi nên từ đó chị đã chuyển ra ngoài thuê trọ. Vợ chồng chị không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Gia M, sinh ngày 11/5/2018. Hiện nay cháu đang ở với bà nội là Phạm Thị S. Khi ly hôn, chị có quan điểm là giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Chị và anh T đã thỏa thuận chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Mạnh T ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Phạm Thị S (là mẹ đẻ của anh T) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Thông qua gia đình, anh T xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, do vậy chị L có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý. Về con chung: Sau khi ly hôn, anh T xin được nuôi con chung là Nguyễn Gia M, sinh ngày 11/5/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian ở nước ngoài, anh T nhờ bà chăm sóc cháu M, bà đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị L vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh T vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà S có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T. Về con chung: Giao cho anh T được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia M, sinh ngày 11/5/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian anh T ở nước ngoài, tạm giao cháu M cho bà S nuôi dưỡng. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị L và gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng chị L và gia đình anh T không cung cấp được. Bà Phạm Thị S là mẹ đẻ anh T xác định anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, bà đã thông báo về việc chị L có đơn xin ly hôn, anh T không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Tại phiên tòa, chị L, bà S vắng mặt, có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T vào ngày 19/11/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị L và anh T đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đầu năm 2024, chị L đã chuyển ra ngoài sống riêng, anh chị không còn liên lạc,

không quan tâm đến nhau. Nay chị L và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Nguyễn Gia M, sinh ngày 11/5/2018. Hiện nay cháu M đang ở cùng bà nội là Phạm Thị S. Sau khi ly hôn, chị L và anh T thống nhất giao cháu M cho anh T nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T ở nước ngoài, anh T nhờ bà S chăm sóc cháu M cho đến khi anh T về Việt Nam, bà S đồng ý. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Lữ ly h anh Nguyễn Mạnh T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Mạnh T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Gia M, sinh ngày 11/5/2018 kể từ tháng 06/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu M cho bà Phạm Thị S nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận tự sự nguyện của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm*

nghìn đồng) đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0000525 ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L, bà Phạm Thị S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Mạnh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa